



TRUNG TÂM ALPHA ENGLISH

Zalo/hotline: 096 343 8893 – 036 854 8593

Email: alphaenglishcenter10@gmail.com

I. Hãy khoanh tròn A, B, C, hoặc D để tìm từ khác loại trong mỗi dòng sau đây.

1. A. girl B. dictionary C. hospital D. blouse
2. A. post office B. newspaper C. dentist D. pencil
3. A. read B. come C. story D. tell
4. A. egg B. magazine C. vegetable D. butter
5. A. short B. careful C. friendly D. write

II. Hãy chọn đáp án đúng A, B, C, hoặc D cho mỗi chỗ trống để hoàn chỉnh đoạn văn sau.

My name is Joe. I go to school in (1) _____ morning. When I get home from school, I have lunch. After lunch, I usually have a nap. In the afternoon, I (2) _____ my lessons and do my homework. Sometimes I go out (3) _____ play volleyball with my friends. Then I have dinner at about 6.30. In the (4) _____, I watch TV and play Computer games. I never go to bed before 9.30. I always read (5) _____ bed.

1. A. a B. an C. the D. this
2. A. learn B. work C. study D. make
3. A. but B. or C. and D. for
4. A. day B. morning C. afternoon D. evening
5. A. at B. from C. in D. to

III. Hãy điền từ vào mỗi chỗ trống để hoàn thành các hội thoại sau.

1. Lan: It is hot in Ha Noi now. What is the _____ like in _____ ?

Mai: In Sydney? It _____ very cold.

2. Nam: What are you _____, Phuong?

Phuong: I'm doing my homework.

Nam: And _____ is your brother Dong?

Phuong: He is in his room. He is _____ books.

3. Susan: _____ is the time, Alice?

Alice: _____ is a quarter to one. _____ go to school.

Susan: All right. Let's go. Our lessons begin _____ one o'clock.

IV. Hãy chọn đáp án đúng A, B, C, hoặc D để hoàn thành những câu sau đây.

1. – “_____ sugar do you want for your rice soup?” – “Just a spoonful.”

A. How much B. How many C. What D. How

2. My brother plays football with his friends when he free time.

A. Gets B. has C. does D. gives

3. “_____ . Can you tell me the way to the clothing store?”

A. Thank you B. All right C. Listen D. Excuse me

4. Pupils__ do all the exercises before they go to school.

A. Need B. have C. be D. must

5. – “Where is your new teacher_____?” – “England. She is English.”

A. To B. from C. going D. Corning

V. Hãy dùng những từ cho sẵn sau đây để viết thành câu hoàn chỉnh.

1. My mother/ young/ but / grandmother/ old.

2. Bob/ clever/ and/ Ben / clever/ too.

3. Our teacher / usually / give / a lot / homework.

4. English/ not / easy/ and / Maths / not easy/ either.

5. a tree / many flowers / our garden.